

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày 16-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Ông Đỗ Thanh Đình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/HSST ngày 18-01-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 18-02-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/HSST-QĐ ngày 18-3-2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ (tên gọi khác: T), sinh ngày 22-9-1997 tại tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Quốc V (chết), bà Nguyễn Thị G; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị N1, sinh năm 1969, cư trú tại: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Mai P, sinh năm 1965, cư trú tại: Số A đường L, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị C, sinh năm 1982, cư trú tại: Số B đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Chị Lê Thị Mỹ B, sinh năm 1984, cư trú tại: Tổ 1, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1972, cư trú tại: Tổ 4, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Anh Võ Nhất Đ1, sinh năm 1978, cư trú tại: Số C đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Bà Trương Thị T, sinh năm 1972, cư trú tại: Số D đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

8. Chị Đồng Thị Thanh T1, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn 2, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

9. Bà Lê Phương Th, sinh năm 1972, cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Bà Lê Thị Bích Th1, sinh năm 1972, cư trú tại: Xóm 1, đội D, thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1985, cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1984, cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

13. Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1967, cư trú tại: Tổ 2, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

14. Chị Phạm Hoàng Tr, sinh năm 1981, cư trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

15. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1982, cư trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

16. Ông Lê Văn D, sinh năm 1964, cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

17. Bà Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1964, cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

18. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1995, cư trú tại: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

19. Chị Lê Thị Ng1, sinh năm 1982, cư trú tại: Thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị Ng2, sinh năm 1966, cư trú tại: Tổ 9, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

21. Chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1977, cư trú tại: Đội 1, thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

22. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978, cư trú tại: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

23. Chị Trần Thị Ngọc H3, sinh năm 1979, cư trú tại: Tổ 10, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 26-8-2020, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi phối hợp Công an phường Trần Hưng Đạo, thành phố

Q tuần tra phát hiện bị cáo Phạm Văn Đ đang đi thu tiền vay của chị Lê Thị Mỹ B tại hẻm 149 Lê Trung Đình, thành phố Q. Qua làm việc, bị cáo Đ khai nhận thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và xác định như sau:

Ngày 09-6-2020, bị cáo Đ từ tỉnh Thanh Hóa đến thuê phòng trọ tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Q và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Bị cáo sử dụng thủ đoạn dụ dỗ lôi kéo những người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bằng hình thức phát tờ rơi với nội dung “*Ngân hàng cho vay yêu cầu hộ khẩu + CMND*” kèm theo số điện thoại 0989967961, sau đó chuyển qua số điện thoại 0981170175. Những người dân có nhu cầu vay tiền thì liên lạc qua số điện thoại đó gặp và trao đổi trực tiếp về các điều khoản khi tiến hành vay. Khi cho vay, bị cáo Đ yêu cầu người vay cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, dao động từ 0,77%/ngày đến 01%/ngày (tương đương với 283%/năm đến 365%/năm), cao gấp 14,15 đến 18,25 lần lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày), tiền góp hàng ngày Đ đi thu về cất giữ.

Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 09-6-2020 đến ngày 26-8-2020, bị cáo Đ đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Q và các huyện lân cận vay tiền. Cơ quan điều tra đã làm việc được 23 người vay với tổng cộng 41 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 251.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu từ người vay là 244.900.000 đồng, trong đó tổng số tiền gốc đã thu: 198.572.740 đồng và tiền lãi đã thu 46.327.260 đồng, số tiền lãi phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 2.755.070 đồng, tiền lãi vượt mức quy định (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 43.572.190 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Đ đã thu được từ người vay tiền. Cụ thể:

1. Dương Thị N1 vay 03 lần, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 06/2020 đến tháng 8/2020 với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 17.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.916.667 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 191.781 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.724.885 đồng.

2. Lê Thị Mai P vay 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 7/2020 với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 65.753 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 934.247 đồng.

3. Hồ Thị C vay 04 lần, tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 06/2020, với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 150.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 12.150.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.025.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 133.151 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.891.849 đồng.

4. Lê Thị Mỹ B vay 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 500.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 21.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.583.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 235.616 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.347.717 đồng.

5. Tạ Thị N vay 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 6/2020 với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 9.250.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.541.667 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 101.370 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.440.296 đồng.

6. Võ Nhất Đ1 vay 01 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 500.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 131.507 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.268.493 đồng.

7. Trương Thị T vay 04 lần, tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng trong thời gian tháng từ tháng 06/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 150.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 13.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.640.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 144.658 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.495.342 đồng.

8. Đồng Thị Thanh T1 vay 03 lần, tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 6/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 300.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 16.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.360.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 184.110 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.175.890 đồng.

9. Lê Phương Th vay 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 7/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 8.750.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.750.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 95.890 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.654.110 đồng.

10. Lê Thị Bích Th1 vay 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 7/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 500.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 17.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 186.301 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.213.699 đồng.

11. Nguyễn Thị Kiều M vay 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng trong khoảng thời gian tháng 8/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 2.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 27.397 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 472.603 đồng.

12. Nguyễn Thị Đ2 vay 01 lần số tiền vay là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 7/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 6.250.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng, số

tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 68.493 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.181.507 đồng.

13. Bùi Thị Nh vay 02 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 06/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 750.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 31.500.000 đồng; trong đó tổng tiền lãi đã trả là 6.300.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 345.205 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.954.795 đồng.

14. Phạm Hoàng Tr vay 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 6/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 12.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.363.014 đồng.

15. Đoàn Thị H vay 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 07/2020 đến tháng 8/2020 với lãi suất 0,77%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 400.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 20.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.984.387 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 279.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.668.935 đồng.

16. Lê Văn D vay 01 lần số tiền vay là 5.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 2.000.000 đồng; trong đó tổng tiền lãi đã trả là 333.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 21.918 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 311.416 đồng.

17. Phạm Thị Mỹ H1 vay 01 lần số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 8/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 2.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 27.397 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 472.603 đồng.

18. Nguyễn Thị Ng vay 01 lần số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 8/2020 với lãi suất 0,77%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay 400.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 5.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.083.817 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 76.712 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.007.159 đồng.

19. Nguyễn Thị Ng2 vay 01 lần số tiền 3.000.000 đồng trong thời gian tháng 8/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 150.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 2.850.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 570.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 31.233 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 538.767 đồng.

20. Lê Thị Ng1 vay 01 lần số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 6/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 2.250.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 450.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 24.658 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 425.342 đồng.

21. Trần Thị Thu H2 vay 02 lần, tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 6/2020 với lãi suất 0.83%/ngày, tiền phí thu mỗi lần vay

150.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 6.150.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.025.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 67.397 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 957.603 đồng.

22. Nguyễn Thị Q vay 01 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng trong thời gian tháng 6/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 12.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.363.014 đồng.

23. Trần Thị Ngọc H3 vay 01 lần với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 6/2020 với lãi suất 1,00%/ngày, tiền phí thu 250.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 3.750.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 750.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 41.096 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 708.904 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số 174721040 mang tên Phạm Văn Đ; 01 (một) hộ chiếu số C4749.... mang tên Phạm Văn Đ; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 0331... mang tên Lê Long Tr; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 050.... mang tên Lê Xuân D; 01 (một) chứng minh nhân dân số 2121..... mang tên Lê Thị Ng1; (một) điện thoại di động hiệu Samsung S9, số IMEI: 355220090.....; 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu đen, số IMEI: 35310111272.....; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 76E1 – 51.....; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ bạc đen, biển số 76B1 – 416.... và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/QĐ-VKS, ngày 14/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Đ nộp số tiền 198.572.740 đồng (tiền gốc đã thu) + 2.755.070 đồng (lãi suất theo quy định) + 12.250.000 đồng (tiền phụ thu) để sung công; buộc những người vay nộp lại số tiền gốc vay chưa trả cho bị cáo tổng cộng là 52.427.260 đồng để sung công; về dân sự: đề nghị buộc bị cáo Đ trả lại cho những người vay số tiền lãi thu vượt quy định 43.572.190 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến ngày 26/8/2020, bị cáo Phạm Văn Đ lợi dụng nhu cầu vay tiền của người dân đã cho 23 người trên địa bàn thành phố Q và các vùng lân cận trong tỉnh Quảng Ngãi vay với 41 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 251.000.000 đồng, với mức lãi suất là 283%/năm đến 365%/năm, vượt quá mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định từ 14 đến 18,25 lần để thu lợi bất chính với tổng số tiền 43.572.190 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo bằng hình thức phạt tiền cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung công 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung S9 và 01 (một) điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA là phương tiện bị cáo Phạm Văn Đ dùng để liên lạc với người vay tiền và lưu danh sách người vay.

- Tịch thu tiêu hủy thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000302954551 và 8984048000300663774 và 01 thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000310495526.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 76E1 – 515.... và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 033.... mang tên Lê Long Tr. Xe mô tô này do bị cáo Đ mua tại cửa hàng xe máy Tr ở đường L, thành phố Q để làm phương tiện hoạt động cho vay lãi nặng. Quá trình xác minh xác định xe mô tô này do anh Lê Long Tr, sinh năm: 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã tiến hành mời anh Lê Long Tr đến làm việc, tuy nhiên anh Tr không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã xử lý vật chứng chiếc xe mô tô trên bằng hình thức tách chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 76E1 – 515..... và giấy đăng ký xe mô tô số 033.... mang tên Lê Long Tr ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ bạc đen, biển số 76B1 – 416...., số máy JA39E0550026, số khung: 3901HY574867, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Xuân D. Xe mô tô này do bị cáo Đ mua tại cửa hàng xe máy Tr sử dụng đi lại, không làm phương tiện hoạt động cho vay. Quá trình xác minh, xác định xe mô tô trên do anh Lê Xuân D, sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tiến hành mời anh Lê Xuân D đến làm việc, tuy nhiên anh D không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã xử lý vật chứng chiếc xe mô tô trên bằng hình thức tách chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ bạc đen, biển số 76B1 – 416....., số máy JA39E0550026, số khung: 3901HY574867, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Xuân D ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ: 01 (một) chứng minh nhân dân số 17472.....; 01 (một) hộ chiếu số C474..... mang tên Phạm Văn Đ là phù hợp

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho chị Lê Thị Ng1: 01 (một) chứng minh nhân dân số 212119..... mang tên Lê Thị Ng1 là phù hợp.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

[8.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo Đ đã cho vay là 251.000.000 đồng, nhưng tổng số tiền gốc bị cáo Đ đã thu lại được là 198.572.740 đồng. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo Đ nộp sung ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với số tiền 2.755.070 đồng tiền lãi bị cáo Đ thu phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và 12.250.000 đồng tiền phí. Đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo nộp sung ngân sách nhà nước.

Tổng cộng bị cáo Đ phải nộp 213.577.810 đồng sung ngân sách nhà nước.

[8.4] Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo Đ: Đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên buộc những người vay phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 52.427.260 đồng cụ thể:

- Bà Dương Thị N1 phải nộp số tiền là 416.668 đồng;
- Bà Hồ Thị C phải nộp số tiền là 1.875.000 đồng;
- Bà Lê Thị Mỹ B phải nộp số tiền là 2.083.333 đồng;
- Bà Tạ Thị N phải nộp số tiền là 2.291.668 đồng;
- Ông Võ Nhất Đ1 phải nộp số tiền là 400.000 đồng;
- Bà Trương Thị T phải nộp số tiền là 1.440.000 đồng;
- Bà Đồng Thị Thanh T1 phải nộp số tiền là 4.560.000 đồng;
- Bà Lê Phương Th phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Lê Thị Bích Th1 phải nộp số tiền là 6.400.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Kiều M phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Bùi Thị Nh phải nộp số tiền là 4.800.000 đồng;
- Bà Đoàn Thị H phải nộp số tiền là 3.548.387 đồng;
- Ông Lê Văn D phải nộp số tiền là 3.333.333 đồng;
- Bà Phạm Thị Mỹ H1 phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp số tiền là 5.483.871 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ng2 phải nộp số tiền là 720.000 đồng;
- Bà Lê Thị Ng1 phải nộp số tiền là 3.200.000 đồng;
- Bà Trần Thị Thu H2 phải nộp số tiền là 875.000 đồng;
- Bà Trần Thị Ngọc H3 phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng;

[9] Về phần dân sự: Buộc bị cáo Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi suất vượt quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự với tổng số tiền là 43.572.190 đồng, cụ thể:

- Trả bà Dương Thị N1 phải nộp số tiền là 2.724.885 đồng;
- Trả bà Lê Thị Mai P phải nộp số tiền là 934.247 đồng;
- Trả bà Hồ Thị C phải nộp số tiền là 1.891.849 đồng;
- Bà Lê Thị Mỹ B phải nộp số tiền là 3.347.717 đồng;
- Bà Tạ Thị N phải nộp số tiền là 1.440.296 đồng;
- Ông Võ Nhất Đ1 phải nộp số tiền là 2.268.493 đồng;
- Bà Trương Thị T phải nộp số tiền là 2.495.342 đồng;
- Bà Đồng Thị Thanh T1 phải nộp số tiền là 3.175.890 đồng;
- Bà Lê Phương Th phải nộp số tiền là 1.654.110 đồng;
- Bà Lê Thị Bích Th1 phải nộp số tiền là 3.213.699 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Kiều M phải nộp số tiền là 472.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Đ2 số tiền là 1.181.507 đồng;
- Trả cho bà Bùi Thị Nh số tiền là 5.954.795 đồng;
- Trả cho bà Phạm Hoàng Tr số tiền là 2.363.014 đồng;

- Trả cho bà Đoàn Thị H số tiền là 3.668.935 đồng;
- Trả cho ông Lê Văn D số tiền là 311.416 đồng;
- Trả cho bà Phạm Thị Mỹ H1 số tiền là 472.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền là 1.007.159 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ng2 số tiền là 538.767 đồng;
- Trả cho bà Lê Thị Ng1 số tiền là 425.342 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Thu H2 số tiền là 957.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền là 2.363.014 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Ngọc H3 số tiền là 708.904 đồng;

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ, phù hợp với tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo mức cao hơn, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[11] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 35, Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 70.000.000 đồng; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, màu tím nhãn hiệu Samsung S9, số IMEI1: 355220090236618, IMEI2: 355221090236616, 01 (một) điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI: 353101112726830;

- Tịch thu tiêu hủy thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000302954551 và 8984048000300663774 và 01 thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000310495526

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/3/2021 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Phạm Văn Đ (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/11/2020 của Công an thành phố Quảng Ngãi nộp tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi) để bảo đảm thi hành án.

[4] Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Phạm Văn Đ nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 213.577.810 đồng;

3.2. Buộc những người có tên sau có nghĩa vụ nộp số tiền 52.427.260 đồng sung Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Bà Dương Thị N1 phải nộp số tiền là 416.668 đồng;
- Bà Hồ Thị C phải nộp số tiền là 1.875.000 đồng;
- Bà Lê Thị Mỹ B phải nộp số tiền là 2.083.333 đồng;
- Bà Tạ Thị N phải nộp số tiền là 2.291.668 đồng;
- Ông Võ Nhất Đ1 phải nộp số tiền là 400.000 đồng;
- Bà Trương Thị T phải nộp số tiền là 1.440.000 đồng;
- Bà Đồng Thị Thanh T1 phải nộp số tiền là 4.560.000 đồng;
- Bà Lê Phương Th phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Lê Thị Bích Th1 phải nộp số tiền là 6.400.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Kiều M phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Bùi Thị Nh phải nộp số tiền là 4.800.000 đồng;
- Bà Đoàn Thị H phải nộp số tiền là 3.548.387 đồng;
- Ông Lê Văn D phải nộp số tiền là 3.333.333 đồng;
- Bà Phạm Thị Mỹ H1 phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp số tiền là 5.483.871 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ng2 phải nộp số tiền là 720.000 đồng;
- Bà Lê Thị Ng1 phải nộp số tiền là 3.200.000 đồng;
- Bà Trần Thị Thu H2 phải nộp số tiền là 875.000 đồng;
- Bà Trần Thị Ngọc H3 phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng;

[4] Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho những người có tên sau số tiền là 43.572.190 đồng, cụ thể:

- Trả bà Dương Thị N1 phải nộp số tiền là 2.724.885 đồng;
- Trả bà Lê Thị Mai P phải nộp số tiền là 934.247 đồng;
- Trả bà Hồ Thị C phải nộp số tiền là 1.891.849 đồng;
- Bà Lê Thị Mỹ B phải nộp số tiền là 3.347.717 đồng;
- Bà Tạ Thị N phải nộp số tiền là 1.440.296 đồng;
- Ông Võ Nhất Đ1 phải nộp số tiền là 2.268.493 đồng;
- Bà Trương Thị T phải nộp số tiền là 2.495.342 đồng;
- Bà Đồng Thị Thanh T1 phải nộp số tiền là 3.175.890 đồng;
- Bà Lê Phương Th phải nộp số tiền là 1.654.110 đồng;
- Bà Lê Thị Bích Th1 phải nộp số tiền là 3.213.699 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Kiều M phải nộp số tiền là 472.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Đ2 số tiền là 1.181.507 đồng
- Trả cho bà Bùi Thị Nh số tiền là 5.954.795 đồng;
- Trả cho bà Phạm Hoàng Tr số tiền là 2.363.014 đồng;
- Trả cho bà Đoàn Thị H số tiền là 3.668.935 đồng;
- Trả cho ông Lê Văn D số tiền là 311.416 đồng;
- Trả cho bà Phạm Thị Mỹ H1 số tiền là 472.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền là 1.007.159 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ng2 số tiền là 538.767 đồng;

- Trả cho bà Lê Thị Ng1 số tiền là 425.342 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Thu H2 số tiền là 957.603 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền là 2.363.014 đồng;
- Trả cho bà Trần Thị Ngọc H3 số tiền là 708.904 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.179.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an TP Quảng Ngãi;
- Bộ phận HSNV Công an thành phố Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

